TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/DS-ST
Ngày 23-3-2018.
"V/v Kiện đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dũng;

2. Bà Hứa Thị Nhị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 289/2016/TLST-DS ngày 31/10/2016 về việc "Kiện đòi tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐST – DS ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung X - có mặt
Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H1 - đều có mặt.
Địa chỉ: Thôn 3 E29, xã Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trung X trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên vào năm 2008 anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H1 có mua phân bón và bán cà phê cho đại lý Hường Tỷ do bà H làm chủ đại lý theo hình thức bán cà phê nhưng ứng tiền trước đến mùa mới giao cà phê. Cụ thể vào ngày 19/6/2008 bán 01 tạ cà phê nhân; ngày 21/7/2008 bán 50 kg cà phê nhân; ngày 03/8/2008 bán 60 kg cà phê nhân; ngày 22/72008 lấy 3 bao phân kẽm quy đổi ra thành 20,4 kg và phê nhân; ngày 21/8/2008 bán 01 tấn cà phê, lý do trong giấy vay tiền ghi 10 tấn cà phê là do quá trình ghi bị nhầm; ngày 22/9/2008 bán 20 kg cà phê nhân; ngày 25/9/2008 bán 30 kg cà phê nhân; ngày 02/10/2008 bán 200 kg cà phê nhân. Tổng cộng anh T, chị H1 bán cho bà H 1480,6 kg cà phê nhân xô đủ độ và nợ tiền mua phân bón là 3.460.000 đồng, anh T, chị H1 đã lấy đủ tiền, phân bón và hẹn đến ngày 31/12/2008 sẽ giao đủ số cà phê trên. Những lần giao dịch cà phê trên thì bà H có viết vào sổ nợ và có chữ ký của chị H1. Tuy nhiên, đến hẹn anh T, chị H1 không trả nợ cho bà H như cam kết, do đó bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu anh T, chị H1 trả 1480,6 (Một nghìn bốn trăm tám mươi phẩy sáu) kg cà phê nhân xô đủ độ và 3.460.000đ *(Ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)* tiền mua phân bón.

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Vào năm 2008 vợ chồng chị có giao dịch mua bán cà phê và phân bón nhiều lần với đại lý Hường Tỷ do bà H làm chủ đại lý. Chị H1 không nhớ cụ thể việc giao dịch với bà H vì thời gian đã lâu. Tuy nhiên, gia đình chị chỉ nợ bà H 470 kg cà phê nhân xô và 3.460.000 đồng tiền mua phân bón. Hai bên đã thống nhất số nợ trên, cuối năm 2008 anh chị mang cà phê ra trả nhưng bà H tính lãi suất nên anh chị không trả. Mỗi lần bán cà phê non thì chị bán nhiều nhất chỉ 100 kg để lấy tiền sinh hoạt, chị H1 không đồng ý với giấy mua bán cà phê do bà H cung cấp và chữ ký trong giấy mua bán cà phê không phải là chữ ký của chị.Ngoài ra, chị H1 có gửi 112 kg cà phê nhân xô đủ độ ở đại lý nhà bà H. Chị H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H mà chỉ đồng ý trả 470 kg cà phê nhân xô và 3.460.000 đồng tiền mua phân bón còn thiếu. Chị yêu cầu bà H phải trừ đi 112kg cà phê nhân xô đủ độ mà chị đã gửi tại đại lý của bà H.

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T thừa nhận vợ chồng anh chị có mua bán phân bón và cà phê nhiều lần như bà H trình bày. Tuy nhiên những lần mua bán cà phê, phân bón thì vợ anh là chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp mua bán với bà H nên anh không biết cụ thể việc mua bán mà chỉ nghe chị H1 nói lại. Anh chị bán cà phê cho bà H nhằm mục đích chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình, đối với số phân bón thì anh chị mua về để bón cà phê. Anh chỉ đồng ý trả cho bà H 470 kg cà phê nhân xô và 3.460.000 đồng tiền mua phân bón còn thiếu. Yêu cầu bà H trừ 112 kg cà phê nhân xô đủ độ mà vợ anh đã gửi tại đại lý nhà bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 112 kg cà phê nhân xô đủ độ, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả 1.368,4 kg cà phê nhân xô đủ độ và 3.460.000đ. Bị đơn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia tòa xác định trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); việc chấp hành của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX vào nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 01 giấy mua bán được thực hiện trong năm 2008 do nguyên đơn cung cấp (bản gốc), 01 sổ mua bán năm 2008 do bị đơn cung cấp.

Anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H1 và người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H đều thống nhất có mua bán cà phê, phân bón và số tiền mua bán phân bón anh T, chị H1 còn nợ là 3.460.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng anh T, chị H1 nợ bà H 1.480,6 kg thể hiện trong giấy mua bán cà phê có chữ ký của chị H1. Anh T, chị H1 cho rằng chỉ nợ bà H 470 kg cà phê nhân xô đủ độ và chữ ký trong giấy mua bán do bà H cung cấp không phải của chị H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H1 trả 1.480,6 kg cà phê nhân X đủ độ đã ứng tiền bán cà phê nhưng chưa giao cà phê và 3.460.000 đồng tiền mua phân bón còn thiếu, tuy nhiên đã hết thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản vì đã quá hai năm kể từ khi phát sinh tranh chấp cho đến khi bà H làm đơn khởi kiện. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là "Kiện đòi tài sản". Bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 3 E29, xã Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H kiện đòi anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H1 trả 3.460.000 đồng tiền mua phân bón còn thiếu, HĐXX nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T, chị H1 thừa nhận có mua bán cà phê và phân bón với bà H và nợ 3.460.000 đồng tiền mua phân bón. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Do các bên đều thống nhất số tiền trên nên HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện về số tiền 3.460.000 đồng của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H kiện đòi anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H1 trả 1480,6 kg cà phê nhân xô đủ độ HĐXX nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận có mua bán cà phê với nhau theo hình thức bán cà phê nhưng ứng tiền trước đến mùa mới giao cà phê. Bà Nguyễn Thị H cho rằng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H1 còn nợ đại lý H Tỷ 1480,6 kg cà phê nhân xô đủ độ, nhưng anh T, chị H1 cho rằng chỉ còn nợ 470 kg cà phê nhân xô đủ độ và đang còn gửi tại đại lý bà H 112 kg cà phê nhân xô đủ độ. Bà H cung cấp cho Tòa án 01 giấy mua bán cà phê giữa bà H và anh T, chị H1, cụ thể vào ngày 19/6/2008 anh T, chị H1 bán 01 tạ cà phê nhân; ngày 21/7/2008 bán 50 kg cà phê nhân; ngày 03/8/2008 bán 60 kg cà phê nhân; ngày 22/72008 lấy 3 bao phân kẽm quy đổi ra thành 20,4 kg và phê nhân; ngày 21/8/2008 bán 01 tấn cà phê, lý do trong giấy vay tiền ghi 10 tấn cà phê là do quá trình ghi bị nhầm; ngày 22/9/2008 bán 20 kg cà phê nhân; ngày 25/9/2008 bán 30 kg cà phê nhân; ngày 02/10/2008 bán 200 kg cà phê nhân. Anh T, chị H1 không đồng ý với giấy mua bán cà phê do bà H cung cấp và cho rằng chữ ký trong giấy mua bán cà phê không phải là chữ ký của mình. Anh T, chị H1 đề nghị Tòa án tiến hành Trưng cầu giám định chữ ký trong giấy mua bán cà phê do bà H cung cấp. Theo kết luận giám định của phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Đắk Nông thì toàn bộ chữ ký trong giấy mua bán cà phê do bà H cung cấp mang tên H1 đều là chữ ký của chị H1. HĐXX xét thấy việc anh T, chị H1 nợ bà H 1480,6 kg cà phê nhân X là có thật, thể hiện bằng việc những lần bán cà phê cho bà H thì chị H1 đều có ký xác nhận.

Anh T, chị H1 cung cấp chứng cứ là 01 sổ mua bán cà phê với bà H cho Tòa án. HĐXX nhận thấy những lần anh chị giao dịch với bà H thì bà H sẽ ghi vào sổ đó, tuy nhiên có những lần anh chị quên mang sổ mua bán thì sẽ không ghi vào sổ và trong sổ không có chữ ký xác nhận của bà H. Do đó, quan điểm của anh T, chị H1 cho rằng chỉ còn nợ bà H 470 kg cà phê nhân xô và cung cấp chứng cứ là 01 sổ mua bán cà phê trên là không có cơ sở. Tuy nhiên chị Nguyễn Thị H1 trình bày chị có gửi 112 kg cà phê nhân xô đủ độ tại đại lý bà Nguyễn Thị H và đến nay chị vẫn chưa lấy lại số cà phê này thể hiện trong sổ mua bán cà phê với bà H. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận lời trình bày của chị H1, do đó HĐXX có căn cứ để chấp nhận việc chị H1, anh T còn gửi tại đại lý H Tỷ 112kg cà phê nhân xô đủ độ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 112 kg cà phê nhân đủ độ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện,

căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với 112 kg cà phê nhân xô đủ độ. Bà H không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Đối với lần giao dịch ngày 21/8/2008 thể hiện anh T, chị H1 bán 10 tấn cà phê, nhưng quá trình giải quyết vụ án bà H và người đại diện theo ủy quyền cho rằng thực tế chị H1 chỉ bán 01 tấn cà phê, trong sổ mua bán ghi 10 tấn là do nhầm lẫn. Xét thấy quan điểm của bà H là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận. Quá trình mua bán cà phê với bà H thì anh T, chị H1 lấy tiền để sinh hoạt và mua phân bón để đầu tư cà phê, do đó anh T, chị H1 cùng có trách nhiệm trả cho bà H 1.368,4 kg cà phê nhân X đủ độ đã ứng tiền bán cà phê nhưng chưa giao cà phê và 3.460.000 đồng tiền mua phân bón còn nợ.

[5] Về chi phí giám định chữ ký: Chi phí giám định chữ ký là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*, do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên anh T, chị H1 phải chịu toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) chị H1 đã đóng tạm ứng chi phí giám định chữ ký cho Tòa án, anh T, chị H1 còn phải trả cho bà H 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền chi phí giám định bà H đã đóng tạm ứng cho Tòa án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại đại lý cà phê thì giá cà phê ngày 23/3/2018 là 37.000 đồng/ kg cà phê nhân xô đủ độ. Giá trị cà phê nhân xô đủ độ tại thời điểm xét xử sơ thẩm là: (1.368,4 kg x 37.000 đồng/kg)=50.630.800 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428; Điều 429; Điều 432; Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H 1368,4 kg cà phê nhân xô đủ độ và 3.460.000 đồng *(Ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 112 kg cà phê nhân xô đủ độ.

3. Về chi phí giám định chữ ký: Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H1 phải chịu toàn bộ chi phí trưng cầu giám định chữ ký là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), được khấu trừ số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) chị H1 đã đóng tạm ứng chi phí giám định chữ ký cho Tòa án, anh T, chị H1 còn phải trả cho bà H 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền chi phí giám định bà H đã đóng tạm ứng cho Tòa án

4. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H1 phải nộp 2.704.000đ *(Hai triệu bảy trăm linh bốn nghìn đồng)* tiền án phí DSST.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.592.500đ *(Một triệu năm trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song theo biên lai số 0003920 ngày 26/10/2016.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải Âu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đăk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.